

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Thuyên**;

2. Bà **Ngô Thị Yến Linh**.

- **Thư ký phiên tòa**: Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa**: Bà **Phạm Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1972;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1967;

Đều có địa chỉ: Khu 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức T tự do, tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn và được UBND thị trấn N, huyện N tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/3/1990. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T là người nóng tính, vũ phu, hay ghen và thường xuyên đánh chửi bà. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay, không đoàn tụ lần nào, mỗi người một nơi và có cuộc sống riêng. Bà xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn ông T.

Về quan hệ con chung: Bà và ông Nguyễn Đức T có hai con chung là Nguyễn Trung K, sinh 21/02/1991 và Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 06/01/2000. Do các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình làm việc, bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: Về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, ly thân như bà N trình bày. Ông cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Bà N thường xuyên ghen tuông vô cớ, do bức tức nên vào khoảng năm 2012 ông có dùng dây thắt lưng đánh bà N và sau lần đó ông chỉ tát hoặc rút đép ném bà N, sau đó, do thấy có lỗi nên từ năm 2016 đến nay ông không đánh bà N nữa mà chỉ mắng chửi bà N. Năm 2022, bà N đã bỏ ra ngoài thuê bán hàng, kinh doanh nhưng vợ chồng vẫn ăn uống, sinh hoạt tại nhà. Ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để con cái có đủ bố, đủ mẹ, các cháu có đủ ông, đủ bà nên không đồng ý ly hôn. Nếu bà N cương quyết ly hôn thì là việc của bà N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Ông xác định vợ chồng có hai con chung như bà N trình bày. Do các con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chính quyền địa phương thị trấn N cung cấp: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N vào năm 1990. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Đỉnh điểm mâu thuẫn của hai vợ chồng là vào khoảng năm 2022 đến năm 2023 bà N đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng còn ông T nay đây, mai đó không còn sống chung với bà N nữa. Nay bà N khởi kiện xin ly hôn ông T đề nghị Tòa án hòa giải để ông, bà tổ chức lại cuộc sống chung vì con, vì cháu. Nếu bà N vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự. Về con chung: Bà N, ông T có 02 con chung, các con trung đều đã trưởng thành, có cuộc sống riêng.

**Tại phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Đức T vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Tại đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt ông T vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn bà N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết N đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho bà Nguyễn Thị Tuyết N ly hôn ông Nguyễn Đức T; Về án phí: bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đức T đều cư trú tại huyện N, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Nguyễn Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND thị trấn N, huyện N nơi sinh sống của bà N, ông T tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp.

Bà N khởi kiện xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn bà N. HĐXX thấy rằng, tại lời khai của bà N, ông T, biên bản xác minh ngày 12/8/2024 đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T là người gia trưởng thường xuyên đánh chửi bà N. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 đến nay, không ai quan tâm gì đến ai. Như vậy, ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bà N, Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà N ly hôn ông T.

- Về quan hệ con chung: Bà N và ông T đều xác định có 02 con chung là Nguyễn Trung K, sinh 21/02/1991 và Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 06/01/2000. Do cả hai con chung đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Tuyết N ly hôn ông Nguyễn Đức T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chi đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23 số 0003611 ngày 25/6/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND TT. Ninh Giang, huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Quý Long**

